

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/HS-ST
Ngày 23 - 10 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bạch Đình Ca;

Bà H'Bliăk Niê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2019/TLST- HS ngày 11 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Nh (tên gọi khác: Không); sinh ngày 20 tháng 9 năm 1994, tại tỉnh Đắk Lắk. Nơi đăng ký thường trú và nơi sinh sống: Bon B, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, nơi đăng ký tạm trú: không; Nghề nghiệp: Thợ sơn; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1957 và bà Đặng Thị Y, sinh năm 1958, có vợ tên là Phan Thị H, sinh năm 1998 và có 01 con, sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: ngày 26/4/2019 bị Tòa án thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 105/2019/HS-ST. Hiện nay bị cáo đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Đ, thuộc địa bàn huyện M, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

+ Người bị hại: Ông Lê Văn T, sinh năm 1964; Địa chỉ: Thôn M, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Mai H, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số 23 đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Người làm chứng:

- Ông Võ Văn Q, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số nhà 125 đường L, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

- Ông Đặng Văn H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số 93/12A đường C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ ngày 08/01/2019, Nguyễn Văn Nh đi từ nhà của bố mẹ Nh tại thôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk đến khu vực bên trong chợ T, huyện K để tìm bà Đặng Thị Y, sinh năm 1958, là mẹ của Nh để xin tiền tiêu xài nhưng bà Y không cho. Sau đó, Nh đi bộ từ chợ T ra hướng Quốc lộ 27 thì phát hiện phía trước Cửa hàng tạp hóa L, thuộc thôn T xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có 01 xe mô tô biển số R, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu sơn đỏ-đen của ông Lê Văn T, (xe mô tô do chị Lê Thị Thúy L, sinh năm 1987, trú tại số 45 đường T, phường A, thành phố B – con gái của ông T đứng tên trong Giấy đăng ký xe mô tô nhưng giao xe cho ông T quản lý, sử dụng), có cắm sẵn chìa khóa ở ổ khóa xe, không có người trông coi nên Nh nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe đem bán lấy tiền. Nh liền đi đến vị trí dựng chiếc xe mô tô trên, dùng tay quay đầu xe hướng về phía thành phố B rồi khởi động máy và điều khiển xe mô tô đi theo đường Quốc lộ 27 lên thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để tìm nơi tiêu thụ.

Khi Nh điều khiển xe mô tô đi đến quán ăn sáng của gia đình ông Võ Văn Q (tên thường gọi là B), sinh năm 1989 ở số nhà 125, đường L, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thì thấy ông Q đang ở trong quán nên Nh dừng xe lại rồi đi vào trong quán hỏi ông Q có biết chỗ nào cầm cố xe mô tô mà Nh đang sử dụng hay không?. Ông Q hỏi Nh về nguồn gốc chiếc xe trên thì Nh trả lời xe của gia đình. Sau đó, Nh mở cốp xe thì có 01 Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy mang tên Lê Thị Thúy L, sinh năm 1987, địa chỉ thôn 1, xã E, huyện K và 01 Giấy phép lái xe mang tên Lê Văn T nên Nh đưa cho ông Q xem Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, còn Giấy phép lái xe mang tên Lê Văn T thì Nh giữ lại (sau đó Nh không nhớ đã làm thất lạc ở đâu) thì được ông Q giới thiệu cho Nh gặp ông Mai H, sinh năm 1989, trú tại số 23 đường Y, phường T, thành phố B đang ngồi ăn sáng tại quán. Nh gặp ông H thì ông H cũng hỏi về nguồn gốc xe và được Nh trả lời như đã trả lời với ông Q. Sau khi xem giấy tờ, ông H hỏi Nh có bán xe hay không thì Nh đồng ý bán xe với giá 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) nhưng ông H trả trước cho Nh số

tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), đồng thời hẹn khi nào người chủ xe đưa chứng minh nhân dân đến ký giấy tờ mua bán sẽ trả hết số tiền còn lại thì Nh đồng ý. Sau khi nhận số tiền 5.000.000 đồng, Nh giao xe mô tô trên cho ông H rồi đi về, toàn bộ số tiền trên Nh đã tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi ông Mai H mua chiếc xe trên, ông H ngồi chờ tại quán ăn sáng nhưng không thấy Nh quay lại để hoàn tất việc mua bán xe, nên ông H mang xe về nhà sử dụng. Đến khoảng tháng 02/2019, ông H cho em vợ là ông Đặng Văn H, sinh năm 1992, trú tại số 93/12 đường C, phường T, thành phố B, mượn xe mô tô trên để làm phương tiện đi làm. Đến ngày 04/3/2019, ông H bị Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực giao thông đường bộ và tạm giữ phương tiện vi phạm hành chính đối với xe mô tô biển số R. Sau khi xác minh, Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk đã bàn giao xe mô tô trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Kuin để tiến hành xử lý theo quy định.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 17/KL-HĐĐG ngày 11/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K, kết luận: Tại thời điểm ngày 08/01/2019, 01 (một) xe mô tô biển số R, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ-đen, số máy 5C63348765, số khung 5C630AY348713, có trị giá là 9.000.000 đồng (chín triệu đồng).

Về vật chứng của vụ án gồm: 01 (một) xe mô tô biển số R, nhãn hiệu YAMAHA, loại Sirius, màu đỏ-đen, số máy 5C63348765, số khung 5C630AY348713, đã qua sử dụng và 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy mang tên Lê Thị Thúy L sinh năm 1987, địa chỉ thôn 1, xã E, huyện K vào ngày 28/8/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Kuin đã trả lại cho ông Lê Văn T nhận quản lý, sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông Lê Văn T đã nhận lại xe mô tô và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô nêu trên, còn Giấy phép lái xe mang tên Lê Văn T do chi phí đi xin cấp lại không đáng kể nên ông T không yêu cầu bị cáo Nh phải bồi thường gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai H yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn Nh bồi thường số tiền 5.000.000 đồng. Bị cáo Nh đồng ý với yêu cầu bồi thường dân sự của ông H nhưng chưa bồi thường được cho ông H số tiền nào.

Cáo trạng số: 23/CT-VKS-HS ngày 10/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo Nguyễn Văn Nh về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn Nh khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của

mình như bản cáo trạng đã mô tả và đồng ý với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin là đúng người, đúng tội, không oan sai. Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng đã truy tố bị cáo. Đồng thời, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi của bị cáo gây ra, phân tích các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Nh phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 56 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Nh mức án tù 09 đến 12 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 01 năm 06 tháng tù về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 105/2019/HSST ngày 26/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung và khấu trừ thời gian bị cáo đã chấp hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584; 585; 586; 589. Buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho ông Mai H 5.000.000đ (năm triệu đồng).

- Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình. Công nhận việc Cơ quan điều tra Công an huyện Cư Kuin giao trả lại chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát R, nhãn hiệu YAMAHA, loại Sirius màu đỏ đen và một giấy đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Lê Thị Thúy L cho ông Lê Văn T nhận quản lý và sử dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cư Kuin, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn Nh khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm, loại tài sản mà bị cáo đã trộm cắp được, phù hợp với các chứng cứ khác đã được thu thập và phản ánh trong hồ sơ vụ án. Qua đó có đủ cơ sở để kết luận, vào khoảng 08 giờ 00 phút ngày 08/01/2019, lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của người bị hại trong việc bảo quản tài sản, bị cáo Nguyễn Văn Nh đã có hành vi lén

lút lấy trộm chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát R, nhãn hiệu YAMAHA, loại Sirius màu đỏ đen của ông Lê Văn T có giá trị là 9.000.000 đồng, sau đó bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Vì vậy, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Nguyễn Văn Nh phạm tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự.

[2.1] Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn Nh là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác là một trong những quyền cơ bản được pháp luật hình sự Nhà nước ta bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có đủ khả năng để nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị xử phạt nhưng vẫn cố ý thực hiện nên cần phải có mức hình phạt thích đáng, cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân lương thiện, đồng thời cũng để phòng ngừa tội phạm đối với những người khác.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gây thiệt hại không lớn nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Đối với hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 01 năm 06 tháng tù mà hiện nay bị cáo đang chấp hành án được bị cáo thực hiện sau khi thực hiện hành trộm cắp tài sản nên không được xem là tình tiết tái phạm và có nhân thân xấu khi xét xử đối với hành vi trộm cắp tài sản. Nhưng cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt và buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông Lê Văn T đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không đề cập giải quyết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai H yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn Nh bồi thường số tiền 5.000.000 đồng. Bị cáo Nh đồng ý với mức yêu cầu bồi thường của ông H nhưng đến nay vẫn chưa bồi thường được. Vì vậy, cần buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho ông H số tiền nêu trên.

[8] Về vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra công huyện Cư Kuin giao trả 01 (một) xe mô tô biển số R, nhãn hiệu YAMAHA, loại Sirius, màu đỏ-đen và 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy mang tên Lê Thị Thúy L cho ông Lê Văn T là chủ sở hữu hợp pháp nhận quản lý và sử dụng là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần công nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn Nh phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Nh phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng: Điều 38; khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Nh 09 (chín) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 01 năm 06 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 105/2019/HSST ngày 26/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 03 (ba) tháng. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt (ngày 08/01/2019).

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584; 585; 586; 589. Buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho ông Mai H 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình. Công nhận việc Cơ quan điều tra Công an huyện Cư Kuin giao trả chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát R, nhãn hiệu YAMAHA, loại Sirius màu đỏ đen và một giấy đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Lê Thị Thúy L cho ông Lê Văn T nhận quản lý và sử dụng.

Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị Nguyễn Văn Nh phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo đối với phần quyết định của bản án có liên quan quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I-TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- CQCSĐT Công an huyện Cư Kuin;
- CCTHADS huyện K;
- Sở tư pháp;
- Phòng HSNVCA Đắk Lắk;
- UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông ;
- Bị cáo, bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

LÊ QUỐC ĐỊNH